

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày 09/01/2025

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Sáu.

- Ông Đỗ Duy Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Liêu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 552/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T.

* **Bị đơn**: Bà Trần Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh T.

(Bà T có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà với bà N là người quen biết nên bà có cho bà N vay mượn tiền và vàng nhiều lần, cụ thể: Vào tháng 3/2022 âm lịch bà cho bà N mượn 5 chỉ vàng 24K, tiếp đó vào ngày 12/5/2022 âm lịch bà N có vay mượn của bà số tiền 16.500.000 đồng; Vào ngày 20/5/2022 âm lịch bà N vay mượn tiếp số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng, hai lần mượn tiền là 26.500.000 đồng, khi mượn tiền bà N có hứa

hẹn đến làm lúa mùa 3 (khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2022) bà N sẽ trả tiền lại cho bà, khi mượn tiền hai bên có thoả thuận lãi suất bằng miệng 3%/tháng. Đến ngày 22/3/2023 âm lịch thì bà N trả cho bà được 5 chỉ vàng 24K, còn đối với số tiền mượn 26.500.000 đồng bà N hứa hẹn khi nào có tiền sẽ trả lại từ từ cho bà. Khi đó bà mới viết lại biên nhận ngày 22/3/2023 âm lịch, bà N có đọc lại biên nhận và đồng ý ký tên vào biên nhận.

Từ ngày nhận tiền đến nay bà N chưa trả lãi, vốn cho bà lần nào. Bà có liên hệ đòi nợ nhiều lần nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả đủ số tiền trên lại cho bà, do đó quyền lợi của bà bị xâm hại.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị N phải trả lại cho bà số tiền vốn là 26.500.000 đồng. Về tiền lãi bà yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 20/6/2022 âm lịch (nhằm ngày 18/7/2022 dương lịch) đến ngày 20/6/2024 âm lịch (nhằm ngày 25/7/2024 dương lịch) là 24 tháng $(26.500.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng}) = 12.720.000 \text{ đồng}$. Cộng chung là 39.220.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Trần Thị N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi. Nay bà T chỉ yêu cầu bà N trả lại cho bà số tiền vốn là 26.500.000 đồng. Bà N vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng bà N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N trong vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bà T khởi kiện bà N phải trả số tiền vay mượn còn nợ là 26.500.000 đồng nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn bà N có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, bà T đã khẳng định thực tế bà N có mượn số tiền 26.500.000 đồng của bà, hai bên có thoả thuận lãi suất bằng miệng

3%/tháng. Bà T có viết biên nhận, bà N có đọc lại biên nhận và đồng ý ký tên vào biên nhận, nay bà T yêu cầu bà N trả số tiền trên cho bà. Đối với bà N trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bà N theo luật định nhưng bà N vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, bà N cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện sự không phản bác đối với việc khởi kiện của bà T cũng như đối với các chứng cứ mà bà T cung cấp tại Tòa. Từ đó, xác định việc bà N có vay tiền và hiện còn thiếu nợ lại bà T là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà N phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn còn thiếu là 26.500.000 đồng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Bà T tự nguyện rút không yêu cầu tính lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thị N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 26.500.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền 26.500.000 đồng đối với bà Trần Thị N.

4. Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 1.325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà T số tiền 662.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0016029 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Sâm

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sâm

